ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:2127 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 28 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của Sở Giao thông vận tải và đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 228/TTr-SNN ngày 20 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B, như sau:

1. Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác là 49,593 ha rừng trồng, có nguồn gốc là rừng sản xuất.

2. Vị trí rừng chuyển mục đích:

a) Huyện Đình Lập: tại lô 8 khoảnh 1, các lô 1, 3, 4, 19 khoảnh 3, các lô 5, 8, 11, 20, 21, 26, 27 khoảnh 6 tiểu khu 2, các lô 1, 3, 4, 6, 7 khoảnh 1, các lô 4, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14, 15 khoảnh 4 tiểu khu 4 xã Bắc Lãng (26 lô); các lô 10, 12 khoảnh 4, các lô 1, 2, 3, 5, 13 khoảnh 7 tiểu khu 3, các lô 4, 5, 6, 11, 13, 14, 16, 17, 18, 19 khoảnh 3, các lô 2, 5, 6 khoảnh 7, các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 16, 17, 19, 21,

25, 27, 28, 29, 31, 33, 34, 35, 36, 38, 40, 41, 42, 43 khoảnh 8 tiểu khu 6, các lô 1, 2, 5, 7 khoảnh 4 tiểu khu 8, các lô 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 14, 17 khoảnh 6 tiểu khu 6B, các lô 8, 10, 12, 13, 14, 16 khoảnh 7 tiểu khu 7A xã Châu Sơn (66 lô); các lô 1, 3, 6, 7, 8, 11, 16 khoảnh 7, các lô 1, 7, 8 khoảnh 8 tiểu khu 494A, các lô 1, 2 khoảnh 10, các lô 2, 4 khoảnh 11 tiểu khu 494B xã Cường Lợi (14 lô); các lô 1, 2, 3, 5 khoảnh 1, lô 1 khoảnh 2, các lô 3, 4 khoảnh 3, lô 2 khoảnh 4, các lô 1, 3 khoảnh 5, các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15 khoảnh 8, lô 1 khoảnh 9 tiểu khu 472, các lô 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 13 khoảnh 6, lô 1 khoảnh 9 tiểu khu 487, các lô 2, 3, 4, 5, 6, 7 khoảnh 4, các lô 1, 2, 8, 9, 10 khoảnh 43, các lô 1, 3, 5, 6, 9, 10, 11, 14, 15, 18, 20, 21, 22, 24 khoảnh 50, các lô 1, 2 khoảnh 51, các lô 2, 6 khoảnh 58, các lô 1, 3, 5, 8, 18, 19, 20, 21 khoảnh 70, lô 8 khoảnh 72, lô 2 khoảnh 79 tiểu khu 471B, các lô 4, 5, 6, 7 khoảnh 15 tiểu khu 488B, các lô 5, 7, 8, 9 khoảnh 72, các lô 3, 5, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16 khoảnh 80 tiểu khu 488C xã Đình Lập (92 lô).

b) Huyện Lộc Bình: tạ các lô 1, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 22 khoảnh 5 tiểu khu 383 xã Đồng Bục (18 lô); các lô 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13 khoảnh 1, các lô 1, 2, 3, 5 khoảnh 3 tiểu khu 402 xã Đông Quan (15 lô); các lô 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 27, 28, 29, 30, 32, 33, 34, 36 khoảnh 12, các lô 1, 2 khoảnh 13, các lô 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 20 khoảnh 17A, các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 khoảnh 17B tiểu khu 387A, các lô 13, 15, 18, 19, 21, 25, 29, 33, 34 khoảnh 4, các lô 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 23 khoảnh 5 tiểu khu 390A, các lô 1, 8 khoảnh 1, các lô 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12 khoảnh 2 tiểu khu 391D xã Hữu Khánh (93 lô); các lô 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12 khoảnh 1, các lô 4, 9, 10 khoảnh 2, các lô 3, 4, 9, 12 khoảnh 4, các lô 1, 2 khoảnh 7, lô 1 khoảnh 16 tiểu khu 423, các lô 2, 3, 4, 5, 6, 10, 14, 17, 19 khoảnh 6B tiểu khu 418B xã Lợi Bác (27 lô); các lô 1, 2, 3, 4, 6, 12, 16, 17, 18, 26 khoảnh 4 tiểu khu 391E xã Tú Đoạn (10 lô); lô 13 khoảnh 6A tiểu khu 418A, thị trấn Na Dương (1 lô).

3. Phạm vi, ranh giới, diện tích, loại rừng, nguồn gốc rừng và các số liệu hiện trạng rừng quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: theo diện tích, hiện trạng rừng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 được sửa đổi tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Chi tiết vị trí, lô, khoảnh diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác tại Phụ lục I, II và Bản đồ kèm theo).

4. Hồ sơ kèm theo: Hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm các cơ quan liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ thực

hiện cập nhật số liệu diện tích, ranh giới, hiện trạng rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Điều 1 Quyết định này trong hồ sơ quản lý Nhà nước về đất đai, lâm nghiệp theo quy định; kiểm tra, giám sát chặt chẽ diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác bảo đảm tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan, không để lợi dụng việc chuyển mục đích để phá rừng, lấn chiếm đất rừng; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính hợp lệ, hợp pháp, đầy đủ, chính xác của hồ sơ, số liệu, nội dung trình phê duyệt tại Quyết định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện thủ tục giao đất, thuê đất đảm bảo theo quy định pháp luật đất đai.

3. Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập và huyện Lộc Bình:

a) Theo nhiệm vụ, thẩm quyền thực hiện cập nhật số liệu diện tích, ranh giới, hiện trạng rừng được UBND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Điều 1 Quyết định này trong hồ sơ quản lý Nhà nước về đất đai, lâm nghiệp theo quy định.

b) Trong quá trình giải phóng mặt bằng thi công Dự án, có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị liên quan cấp huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện của đơn vị thi công, không để xảy ra tình trạng lợi dụng việc triển khai thực hiện Dự án để phá rừng và khai thác lâm sản trái phép.

4. Sở Giao thông vận tải:

Căn cứ diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Điều 1 Quyết định này thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng vị trí, ranh giới và diện tích được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND các huyện: Lộc Bình, Đình Lập và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình liên quan đến diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh